

Số: 163/BC-CTN

Trà Vinh, ngày 31 tháng 3 năm 2023

**BÁO CÁO TÓM TẮT  
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRONG QUÝ I/2023**

- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT (17/01/2023); 08/NQ-HĐQT (08/02/2023) và Nghị quyết 13/NQ-HĐQT (01/3/2023) của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh;

- Căn cứ vào tình hình thực hiện quý I/2023, Tổng Giám đốc Công ty báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong quý I/2023 như sau:

**I/ Tình hình thực hiện Nghị quyết trong quý I năm 2023:**

- Đã ký quyết định bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Đại giữ chức vụ giám đốc Chi nhánh cấp nước thành phố Trà Vinh, Ông Huỳnh Văn Mộng giữ chức vụ giám đốc Chi nhánh cấp nước Tiểu Cần-Cầu Kè; bổ nhiệm lại Ông Nguyễn Quốc Thắng giữ chức vụ phó giám đốc Chi nhánh Xây lắp – dịch vụ, Bà Phan Thị Ngọc Thu giữ chức vụ phó phòng KH-KT;

- Giải thể Chi nhánh Mua bán vật tư;

- Ngưng áp dụng quy chế về chính sách ưu đãi đối với NLD xin nghỉ trước tuổi về hưu, từ ngày 01/02/2023.

- Đã ban hành Quy chế lựa chọn nhà thầu mua sắm tài sản, hàng hóa;

- Đã ký hợp đồng thuê tư vấn thực hiện thủ tục hủy đăng ký công ty đại chúng đối với Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.

- Trình UBND tỉnh v/v không áp dụng giá bán sỉ nước sạch năm thứ 2 nhà máy sản xuất nước sạch Nguyệt Hóa theo hợp đồng đã ký giữa công ty CP cấp thoát nước và công ty TNHH MTV cấp nước Senco Trà Vinh.

- Quyết toán lương năm 2022 và xây dựng tình hình sử dụng nhân sự và kế hoạch quỹ tiền lương năm 2023.

**II/ Thực hiện một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD quý I/2023:**

Có báo cáo kết quả thực hiện SXKD Quý I năm 2023 kèm theo.

**\* Chỉ tiêu về sản lượng:**

1. Sản lượng nước sản xuất: 3.954.009 m<sup>3</sup>, đạt 98.1 % KH quý I/2023; đạt 24.7 % so với KH năm.

2. Sản lượng nước tiêu thụ: 3.367.616 m<sup>3</sup>, đạt 98.0 % KH quý I/2023; đạt 24.6 % so với KH năm.

3. Tỷ lệ thất thoát toàn Công ty là 14.8 %, tăng 0.1 % so với KH quý I và KH năm 2023.



- Đầu tư phát triển mạng lưới phân phối: Đã thi công **6.287 mét** ống các loại, đường kính từ D63 – D110, trong đó 16/19 tuyến theo KH quý I/2023 (4.264 mét) và 3 tuyến phát sinh (2.023 mét); đạt 59.4 % khối lượng mét ống so KH quý I và 16.5% so KH năm. Với tổng giá trị dự toán là 1.816 triệu đồng, đạt 64.5 % giá trị dự toán quý I và 13.9% KH năm 2023).

Trừ 01 tuyến do nước nông thôn đã thi công, dài 1.000 mét và 01 tuyến CT.HĐQT đề nghị chuyển sang các quý sau (dài 2.900 mét), đơn vị Xây lắp thi công đạt 94% KH thực tế của quý I).

5. Phát triển khách hàng: 703 hộ, đạt 91.7 % so với KH quý I ; 25.3 % so với KH năm.

\* **Đánh giá việc thực hiện vận động khách hàng** thanh toán hóa đơn tiền nước không thu tiền mặt tại nhà của các đơn vị: (% tỷ lệ đạt của hóa đơn kỳ 2/2023 của toàn Công ty là 73%):

Trạm Mỹ Chánh (96%); Trạm Châu Thành (91%); NMN Tiểu Cần (88%); NMN Cầu Kè (88%); NMN Duyên Hải (86%); NMN Cầu Ngang (85%); NMN TPTV (63%).

\* **Chỉ tiêu về tài chính:**

1. Tổng doanh thu, thu nhập khác ước thực hiện 34.963 triệu đồng, đạt 98.6 % KH quý I/2023; đạt 24.0 % so với KH năm.

2. Tổng chi phí ước thực hiện 30.420 triệu đồng, đạt 99.2 % KH quý, 22.9 % KH năm. Trong đó:

+ Chi phí hoạt động SX nước ngầm: 21.210 triệu đồng, đạt 102.6 % KH quý (do điều chỉnh thời gian trích khấu hao); tăng 9.1 % so với cùng kỳ.

+ Chi phí mua nước thành phẩm: 9.210 triệu đồng, đạt 92.1 % so với KH quý; tăng 14.0 % so với cùng kỳ.

3. Lợi nhuận trước thuế ước thực hiện: 4.543 triệu đồng; đạt 94.8 % KH quý I/2023; đạt 35.2 % so với KH năm.

4. Thu nhập người lao động: 9.246 triệu đồng.

Trên đây là báo cáo tóm tắt tình hình thực hiện nghị quyết trong quý I/2023 và nghị quyết về chỉ tiêu hoạt động SXKD năm 2023, báo cáo Hội đồng quản trị Công ty xem xét có ý kiến định hướng tiếp theo.

**Nơi nhận:**

- HĐQT (b/c);
- Các PTGD;
- Trưởng BKS (giám sát);
- Lưu VT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
**Nguyễn Văn Quý**



Số: 80 /TTr-CTN

Trà Vinh, ngày 22 tháng 02 năm 2023

## **TỜ TRÌNH**

### **Về việc phê duyệt danh sách quy hoạch các chức danh quản lý của người lao động giai đoạn 2022-2026**

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh.

Căn cứ khoản 11 Điều 1 Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 03/8/2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh;

Căn cứ Quy chế Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động đối với người lao động thuộc Công ty;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến quy hoạch các chức danh quản lý của người lao động giai đoạn 2022 – 2026 (đính kèm).

Ban Tổng Giám đốc đề nghị Hội đồng quản trị phê duyệt danh sách quy hoạch các chức danh quản lý của người lao động giai đoạn 2022 – 2026 (danh sách đính kèm).

- Đối với những nhân sự có trong quy hoạch nếu chưa đủ tiêu chuẩn thì Ban Tổng Giám đốc sẽ có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để đạt tiêu chuẩn của chức danh đó.

- Khi cần bổ nhiệm thì Ban Tổng Giám đốc sẽ đề xuất nhân sự đã có trong quy hoạch, người nào đủ điều kiện thì sẽ được ưu tiên hơn.

Nay Ban Tổng Giám đốc trình đến Hội đồng quản trị xem xét thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các PTGD;
- Trưởng BKS (g/s);
- Lưu: VT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Quý



Trà Vinh, ngày tháng 02 năm 2023

**DANH SÁCH QUY HOẠCH  
CÁC CHỨC DANH QUẢN LÝ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG  
GIAI ĐOẠN 2022 - 2026**

**1. Phòng Tổ chức - Hành chính:**

| STT | CHỨC DANH    | HỌ VÀ TÊN         | NĂM SINH |
|-----|--------------|-------------------|----------|
| 1   | Trưởng phòng | Huỳnh Thị Hằng    | 1972     |
| 1   | Phó phòng    | Nguyễn Thanh Hùng | 1971     |
| 2   |              | Lê Bửu Lộc        | 1988     |

**2. Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật:**

| STT | CHỨC DANH                         | HỌ VÀ TÊN        | NĂM SINH |
|-----|-----------------------------------|------------------|----------|
| 1   | Trưởng phòng                      | Nguyễn Hiền Phúc | 1985     |
| 1   | Phó phòng phụ trách mảng kỹ thuật | Châu Hoàng Ca    | 1985     |
| 1   | Phó phòng phụ trách mảng kế hoạch | Huỳnh Minh Thế   | 1977     |
| 2   |                                   | Nguyễn Minh Tụ   | 1979     |

**3. Chi nhánh Cấp nước Thành phố Trà Vinh:**

| STT | CHỨC DANH    | HỌ VÀ TÊN         | NĂM SINH |
|-----|--------------|-------------------|----------|
| 1   | Giám đốc     | Nguyễn Văn Đại    | 1978     |
| 1   | Phó Giám đốc | Lê Quốc Hòa       | 1970     |
| 3   |              | Nguyễn Trung Trục | 1987     |

**4. Chi nhánh Cấp nước Châu Thành – Trà Cú:**

| STT | CHỨC DANH    | HỌ VÀ TÊN        | NĂM SINH |
|-----|--------------|------------------|----------|
| 1   | Phó Giám đốc | Quách Thiện Bình | 1992     |
| 2   |              | Nguyễn Minh Tụ   | 1979     |



**5. Chi nhánh Cấp nước Cầu Ngang – Duyên Hải:**

| STT | CHỨC DANH    | HỌ VÀ TÊN         | NĂM SINH |
|-----|--------------|-------------------|----------|
| 1   | Giám đốc     | Phan Thị Ngọc Thu | 1971     |
| 2   |              | Nguyễn Văn Sơn    | 1966     |
| 1   | Phó Giám đốc | Nguyễn Hữu Khởi   | 1983     |

**6. Chi nhánh Cấp nước Tiểu Cần – Cầu Kè:**

| STT | CHỨC DANH    | HỌ VÀ TÊN      | NĂM SINH |
|-----|--------------|----------------|----------|
| 1   | Giám đốc     | Huỳnh Văn Mộng | 1973     |
| 1   | Phó Giám đốc | Huỳnh Ngọc Tài | 1973     |

**7. Chi nhánh Xây lắp – Dịch vụ:**

| STT | CHỨC DANH    | HỌ VÀ TÊN         | NĂM SINH |
|-----|--------------|-------------------|----------|
| 1   | Giám đốc     | Nguyễn Quốc Thắng | 1975     |
| 1   | Phó Giám đốc | Quách Thiện Bình  | 1992     |
| 2   |              | Nguyễn Hoàng Linh | 1980     |

**8. Chi nhánh Quản lý Thoát nước:**

| STT | CHỨC DANH    | HỌ VÀ TÊN         | NĂM SINH |
|-----|--------------|-------------------|----------|
| 1   | Giám đốc     | Nguyễn Văn Sơn    | 1966     |
| 1   | Phó Giám đốc | Nguyễn Hoàng Linh | 1980     |
| 2   |              | Phạm Thị Êm       | 1981     |

PHÒNG TC-HC



Nguyễn Văn Sơn



Trà Vinh, ngày 14 tháng 02 năm 2023



**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU LẤY Ý KIẾN QUY HOẠCH  
CÁC CHỨC DANH QUẢN LÝ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG  
GIAI ĐOẠN 2022 - 2026**

Vào lúc 10h30' ngày 14/02/2023, tại phòng họp Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh, chúng tôi gồm có:

- Ông Vũ Hồng Điệp – Trưởng phòng Tổ chức – Hành chánh;
- Ông Nguyễn Văn Sơn - Phó phòng Tổ chức – Hành chánh;
- Ông Lê Bửu Lộc – Thư ký;

Đã tiến hành kiểm phiếu lấy ý kiến quy hoạch các chức danh quản lý của người lao động giai đoạn 2022 – 2026( thành phần lấy ý kiến gồm Ban Tổng Giám đốc, trưởng, phó phòng và tương đương), kết quả như sau:

**1. Phòng Tổ chức - Hành chánh:**

| TT | CHỨC DANH    | HỌ VÀ TÊN         | ĐỒNG Ý | KHÔNG ĐỒNG Ý | TỶ LỆ ĐẠT (%) |
|----|--------------|-------------------|--------|--------------|---------------|
| 1  | Trưởng phòng | Huỳnh Thị Hằng    | 13/17  | 04/17        | 76,5%         |
| 1  | Phó phòng    | Nguyễn Thanh Hùng | 15/17  | 02/17        | 88,2%         |
| 2  |              | Lê Bửu Lộc        | 13/17  | 04/17        | 76,5%         |

**2. Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật:**

| TT | CHỨC DANH                         | HỌ VÀ TÊN        | ĐỒNG Ý | KHÔNG ĐỒNG Ý   | TỶ LỆ ĐẠT (%) |
|----|-----------------------------------|------------------|--------|----------------|---------------|
| 1  | Trưởng phòng                      | Nguyễn Hiền Phúc | 16/17  | 01 phiếu trắng | 94,1%         |
| 1  | Phó phòng phụ trách mảng kỹ thuật | Châu Hoàng Ca    | 16/17  | 01/17          | 94,1%         |
| 1  | Phó phòng phụ trách mảng kế hoạch | Huỳnh Minh Thế   | 15/17  | 02/17          | 88,2%         |
| 2  |                                   | Nguyễn Minh TỰ   | 15/17  | 02/17          | 88,2%         |

### 3. Chi nhánh Cấp nước Thành phố Trà Vinh:

| TT | CHỨC DANH    | HỌ VÀ TÊN         | ĐỒNG Ý | KHÔNG ĐỒNG Ý | TỶ LỆ ĐẠT (%) |
|----|--------------|-------------------|--------|--------------|---------------|
| 1  | Giám đốc     | Nguyễn Văn Đại    | 17/17  | 0            | 100%          |
| 1  | Phó Giám đốc | Lê Quốc Hòa       | 15/17  | 02/17        | 88,2%         |
| 3  |              | Nguyễn Trung Trực | 14/17  | 03/17        | 82,4%         |

### 4. Chi nhánh Cấp nước Châu Thành – Trà Cú:

| TT | CHỨC DANH    | HỌ VÀ TÊN        | ĐỒNG Ý | KHÔNG ĐỒNG Ý | TỶ LỆ ĐẠT (%) |
|----|--------------|------------------|--------|--------------|---------------|
| 1  | Phó Giám đốc | Quách Thiện Bình | 17/17  | 0            | 100%          |
| 2  |              | Nguyễn Minh Tụ   | 14/17  | 03/17        | 82,4%         |

### 5. Chi nhánh Cấp nước Cầu Ngang – Duyên Hải:

| TT | CHỨC DANH    | HỌ VÀ TÊN         | ĐỒNG Ý | KHÔNG ĐỒNG Ý | TỶ LỆ ĐẠT (%) |
|----|--------------|-------------------|--------|--------------|---------------|
| 1  | Giám đốc     | Phan Thị Ngọc Thu | 15/17  | 02/17        | 88,2%         |
| 2  |              | Nguyễn Văn Sơn    | 14/17  | 03/17        | 82,4%         |
| 1  | Phó Giám đốc | Nguyễn Hữu Khởi   | 16/17  | 01/17        | 94,1%         |

### 6. Chi nhánh Cấp nước Tiểu Cần – Cầu Kè:

| TT | CHỨC DANH    | HỌ VÀ TÊN      | ĐỒNG Ý | KHÔNG ĐỒNG Ý | TỶ LỆ ĐẠT (%) |
|----|--------------|----------------|--------|--------------|---------------|
| 1  | Giám đốc     | Huỳnh Văn Mộng | 17/17  | 0            | 100%          |
| 1  | Phó Giám đốc | Huỳnh Ngọc Tài | 17/17  | 0            | 100%          |

## 7. Chi nhánh Xây lắp – Dịch vụ:

| TT | CHỨC DANH    | HỌ VÀ TÊN         | ĐỒNG Ý | KHÔNG ĐỒNG Ý | TỶ LỆ ĐẠT (%) |
|----|--------------|-------------------|--------|--------------|---------------|
| 1  | Giám đốc     | Nguyễn Quốc Thắng | 17/17  | 0            | 100%          |
| 1  | Phó Giám đốc | Quách Thiện Bình  | 16/17  | 01/17        | 94,1%         |
| 2  |              | Nguyễn Hoàng Linh | 16/17  | 01/17        | 94,1%         |

## 8. Chi nhánh Quản lý Thoát nước:

| TT | CHỨC DANH    | HỌ VÀ TÊN         | ĐỒNG Ý | KHÔNG ĐỒNG Ý | TỶ LỆ ĐẠT (%) |
|----|--------------|-------------------|--------|--------------|---------------|
| 1  | Giám đốc     | Nguyễn Văn Sơn    | 15/17  | 02/17        | 88,2%         |
| 1  | Phó Giám đốc | Nguyễn Hoàng Linh | 16/17  | 01/17        | 94,1%         |
| 2  |              | Phạm Thị Êm       | 13/17  | 04/17        | 76,5%         |

Biên bản kết thúc lúc 10h50' cùng ngày.

Các thành viên kiểm phiếu

Thư ký

1. Ông Vũ Hồng Điệp .....

2. Ông Nguyễn Văn Sơn .....

Lê Bửu Lộc



Số: 115 /TTr-CTN

Trà Vinh, ngày 06 tháng 3 năm 2023

### TỜ TRÌNH

V/v xin chủ trương thực hiện đầu tư một số tuyến ống, mua sắm đồng hồ đo lưu lượng (có vật tư kèm theo) và thuê tư vấn lập hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác của nhà máy nước Đuyên Hải

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty CP Cấp Thoát nước Trà Vinh.

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP Cấp Thoát nước Trà Vinh (Công ty);

Căn cứ nhu cầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty,

Tổng giám đốc Công ty kính trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét cho chủ trương thực hiện một số nội dung sau:

| TT                                 | Nội dung đầu tư  | Khái toán chi phí (VNĐ) | Mục đích đầu tư  | Ghi chú                            |
|------------------------------------|--|-------------------------|--|------------------------------------|
| <b>Đầu tư phát triển tuyến ống</b> |  |                         |  |                                    |
| 1                                  | Tuyến ống HDPE D160mm, L = 2.650m, áp Cỏ Tháp A, xã Nguyệt Hoá, huyện Châu Thành   | 1.690.000.000           | Tăng cường áp lực cho khu vực Basi - Base                                    |                                    |
| 2                                  | Tuyến ống HDPE D90mm, L = 400m, phường 8, TP Trà Vinh  | 210.000.000             |  |                                    |
| 3                                  | Tuyến ống HDPE D110mm, L = 220m, phường 8, TP Trà Vinh   | 135.000.000             |  |                                    |
| 4                                  | Tuyến ống HDPE D90mm, L = 1.080m, đường đanl (từ nhà ông Sơn Phút đến nhà bà Thạch Thị Lâm), áp Hương Phụ C, xã Đa Lộc, huyện Châu Thành | 420.000.000             | Theo đề nghị của UBND xã Đa Lộc tại tờ trình số 211/TTr-UBND ngày 07/12/2022 | 46 hộ                              |
| 5                                  | Tuyến ống HDPE D63mm, L = 780m, hẻm bê tông, áp Vĩnh Trường, xã Hoà Thuận, huyện Châu Thành  | 155.000.000             | Phát triển mở rộng mạng lưới cấp nước  | 36 hộ (trong đó có 15 hộ bồi hoàn) |



| <b>Đầu tư mua sắm</b> |   |               |   |                                |
|-----------------------|---|---------------|---|--------------------------------|
| 6                     | Mua sắm đồng hồ đo lưu lượng (cả vật tư kèm theo)   | 450.000.000   | Đầu tư lắp đặt đồng hồ D600 trên tuyến ống tải của Nhà máy sản xuất nước sạch Láng Thè để chống thất thoát nước |                                |
| 7                     | Mua sắm 6.600 đồng hồ đo lưu lượng loại 15mm  | 2.700.000.000 | Thay thế đồng hồ Minh Hoà (do đồng hồ của Minh Hoà đo không chính xác)  | Mua từng đợt theo kế hoạch quý |
| <b>Thuê tư vấn</b>    |   |               |   |                                |
| 8                     | Thuê tư vấn lập hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác của nhà máy nước Duyên Hải, lưu lượng khai thác 10.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm | 450.000.000   | Do giấy phép số 150/GP-BTNMT ngày 21/8/2020 hết hạn vào ngày 22/01/2024   |                                |

Kính trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban TGD;
- Trưởng BKS (g/s);
- Lưu: VT.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Quý**



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 120/TTr - CTN

Trà Vinh, ngày 08 tháng 3 năm 2023

## **TỜ TRÌNH**

Về việc thay đổi thời gian trích khấu hao tài sản cố định

Kính gửi: Hội đồng quản trị  
Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh.

Căn cứ Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 24/4/2013 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ, quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”;

Căn cứ Quyết định số 73/QĐ-HĐQT ngày 26/10/2022 của Hội đồng quản trị ban hành quy chế quản lý tài chính Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh

Ban Tổng giám đốc Công ty trình Hội đồng quản trị về việc thay đổi thời gian trích khấu hao tài sản cố định của 2 dự án nhà máy cấp nước Thị trấn Duyên Hải và hệ thống cấp nước đô thị Tiểu Cần – Cầu Quan (đính kèm danh mục tài sản đề nghị thay đổi thời gian trích khấu hao nhanh). Sự thay đổi này có thể làm thay đổi lợi kế hoạch năm.

Kính trình Hội đồng quản trị xem xét thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Ban TGD;
- Lưu: VT.



**Nguyễn Văn Quý**

## THAY ĐỔI THỜI GIAN TRÍCH KHẤU HAO TÀI SẢN CẦU QUAN

| STT | Mã TS                       | Tên Tài sản                                       | Năm đưa vào sử dụng | Số tháng trích lại (mới) | Số KH trích lại (mới) | Số tháng phải trích (cũ) | KH trong năm | Chênh lệch  | Nguyên giá     | Số tháng trích KH còn lại | KH lũy kế     | Giá trị còn lại |
|-----|-----------------------------|---|---------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------|-------------|----------------|---------------------------|---------------|-----------------|
| 1   | CQMMTB-DA TCAN-CQUAN-0008-1 | Máy phát điện 300KVA                              | 31/10/2015          | 84                       | 112.292.979           | 240                      | 61.651.044   | 50.641.935  | 1.232.283.473  | 153                       | 446.232.620   | 786.050.853     |
| 2   | CQPTVT-DA TCAN-CQUAN-0019-1 | Tuyến ống gồm ống PVC D80=470m; ống PE D63=4.684m | 31/07/2016          | 240                      | 50.221.086            | 360                      | 42.741.348   | 7.479.738   | 1.285.195.848  | 282                       | 280.774.137   | 1.004.421.711   |
| 3   | CQPTVT-DA TCAN-CQUAN-0020-1 | Hệ thống thoát nước xử lý (bằng ống PTCT D400)    | 31/07/2016          | 120                      | 31.062.158            | 360                      | 13.217.940   | 17.844.218  | 396.278.691    | 282                       | 85.657.109    | 310.621.582     |
| 4   | CQPTVT-DA TCAN-CQUAN-0013-1 | Giếng thăm dò kết hợp khai thác TC1 (ngoài NM)    | 31/10/2015          | 120                      | 66.968.887            | 300                      | 37.728.948   | 29.239.939  | 942.760.093    | 213                       | 273.071.220   | 669.688.873     |
| 5   | CQNCKT-DA TCAN-CQUAN-0010-1 | Nhà xe (XD)                                       | 31/10/2015          | 72                       | 6.346.070             | 300                      | 2.145.145    | 4.200.925   | 53.602.384     | 213                       | 15.525.967    | 38.076.417      |
| 6   | CQNCKT-DA TCAN-CQUAN-0004-1 | Trạm bơm cấp II - Nhà đặt máy phát điện (XD)      | 31/10/2015          | 72                       | 129.976.545           | 600                      | 18.242.317   | 111.734.228 | 911.881.368    | 513                       | 132.022.098   | 779.859.270     |
| 7   | CQNCKT-DA TCAN-CQUAN-0009-1 | Đường nội bộ                                      | 31/10/2015          | 60                       | 82.526.258            | 240                      | 32.363.244   | 50.163.014  | 646.877.685    | 153                       | 234.246.397   | 412.631.288     |
| 8   | CQPTVT-DA TCAN-CQUAN-0014-1 | Giếng thăm dò kết hợp khai thác TC2 (trong NM)    | 31/10/2015          | 120                      | 66.968.887            | 300                      | 37.728.948   | 29.239.939  | 942.760.093    | 213                       | 273.071.220   | 669.688.873     |
| 9   | CQNCKT-DA TCAN-CQUAN-0002-1 | Bể lọc tự rửa (XD)                                | 31/10/2015          | 60                       | 64.159.895            | 240                      | 25.160.748   | 38.999.147  | 502.913.933    | 153                       | 182.114.457   | 320.799.476     |
| 10  | CQNCKT-DA TCAN-CQUAN-0003-1 | Bể chứa nước sạch 800m3 (XD)                      | 31/10/2015          | 60                       | 270.873.901           | 240                      | 106.225.056  | 164.648.845 | 2.123.230.545  | 153                       | 768.861.040   | 1.354.369.505   |
| 11  | CQNCKT-DA TCAN-CQUAN-0006-1 | Sân phơi bùn (XD+CN)                              | 31/10/2015          | 60                       | 35.440.600            | 240                      | 13.898.280   | 21.542.320  | 277.799.269    | 153                       | 100.596.270   | 177.202.999     |
| 12  | CQNCKT-DA TCAN-CQUAN-0007-1 | Nhà Quản lý (XD)                                  | 31/10/2015          | 300                      | 26.122.795            | 600                      | 15.276.492   | 10.846.303  | 763.627.835    | 513                       | 110.557.969   | 653.069.866     |
| 13  | CQPTVT-DA TCAN-CQUAN-0016-1 | Mạng lưới đường ống cấp nước                      | 31/10/2015          | 240                      | 866.421.472           | 360                      | 761.689.212  | 104.732.260 | 22.894.038.303 | 273                       | 5.565.608.867 | 17.328.429.436  |



| STT              | Mã TS                       | Tên Tài sản                                     | Năm đưa vào sử dụng | Số tháng trích lại (mới) | Số KH trích lại (mới) | Số tháng phải trích (cũ) | KH trong năm         | Chênh lệch         | Nguyên giá            | Số tháng trích KH còn lại | KH lũy kế            | Giá trị còn lại       |
|------------------|-----------------------------|---|---------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|----------------------|--------------------|-----------------------|---------------------------|----------------------|-----------------------|
| 14               | CQNCKT-DA TCAN-CQUAN-0001-1 | Đường nội bộ, công hàng rào (XD) - TBG ngoài NM | 31/10/2015          | 60                       | 41.330.363            | 240                      | 16.207.980           | 25.122.383         | 323.965.799           | 153                       | 117.313.983          | 206.651.816           |
| 15               | CQNCKT-DA TCAN-CQUAN-0005-1 | Nhà kho xưởng - Clor (XD+CN)                    | 31/10/2015          | 72                       | 90.088.908            | 300                      | 30.452.592           | 59.636.316         | 760.940.497           | 213                       | 220.407.050          | 540.533.447           |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                             |   |                     |                          | <b>1.940.800.803</b>  |                          | <b>1.214.729.294</b> | <b>726.071.509</b> | <b>34.058.155.816</b> |                           | <b>8.806.060.404</b> | <b>25.252.095.412</b> |

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thanh Ngân

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đào Thiện Duyên

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Quý



## THAY ĐỔI THỜI GIAN TRÍCH KHẤU HAO TÀI SẢN DUYÊN HẢI

| STT | Mã TS                 | Tên Tài sản                                 | Năm đưa vào sử dụng | Số tháng trích lại | Số KH trích lại (mới) | Số tháng phải trích | KH trong năm | Chênh lệch  | Nguyên giá    | Số tháng trích KH | KH lũy kế     | Giá trị còn lại |
|-----|-----------------------|---|---------------------|--------------------|-----------------------|---------------------|--------------|-------------|---------------|-------------------|---------------|-----------------|
| 1   | DHNCKT-DA NMDH-0001-1 | Cụm xử lý (Xây dựng)                        | 30/01/2016          | 72                 | 115.905.370           | 300                 | 38.635.128   | 77.270.242  | 971.009.291   | 216               | 275.577.072   | 695.432.219     |
| 2   | DHNCKT-DA NMDH-0020-1 | Cụm xử lý (Xây dựng)                        | 30/01/2016          | 72                 | 115.905.371           | 300                 | 38.635.128   | 77.270.243  | 971.009.292   | 216               | 275.577.069   | 695.432.223     |
| 3   | DHNCKT-DA NMDH-0022-1 | Cụm xử lý (Xây dựng)                        | 30/01/2016          | 72                 | 115.905.370           | 300                 | 38.635.128   | 77.270.242  | 971.009.291   | 216               | 275.577.069   | 695.432.222     |
| 4   | DHNCKT-DA NMDH-0021-1 | Cụm xử lý (Xây dựng)                        | 30/01/2016          | 72                 | 115.905.370           | 300                 | 38.635.128   | 77.270.242  | 971.009.291   | 216               | 275.577.069   | 695.432.222     |
| 5   | DHNCKT-DA NMDH-0002-1 | Bể chứa nước sạch (Xây dựng)                | 31/01/2016          | 60                 | 1.026.849.799         | 240                 | 394.942.236  | 631.907.563 | 7.958.059.008 | 156               | 2.823.810.014 | 5.134.248.994   |
| 6   | DHNCKT-DA NMDH-0003-1 | Trạm bơm cấp 2 (Xây dựng)                   | 31/01/2016          | 72                 | 339.708.866           | 600                 | 47.401.236   | 292.307.630 | 2.375.080.887 | 516               | 336.827.691   | 2.038.253.196   |
| 7   | DHNCKT-DA NMDH-0004-1 | Nhà hóa chất (XD+TB CN)                     | 31/01/2016          | 72                 | 48.460.753            | 300                 | 16.153.584   | 32.307.169  | 405.889.497   | 216               | 115.124.981   | 290.764.516     |
| 8   | DHNCKT-DA NMDH-0005-1 | Sân phơi bùn                                | 31/01/2016          | 60                 | 27.532.780            | 240                 | 10.589.532   | 16.943.248  | 212.629.608   | 156               | 74.965.709    | 137.663.899     |
| 9   | DHNCKT-DA NMDH-0006-1 | Nhà quản lý - NMN                           | 31/01/2016          | 300                | 82.890.398            | 600                 | 48.192.096   | 34.698.302  | 2.415.238.339 | 516               | 342.978.399   | 2.072.259.940   |
| 10  | DHNCKT-DA NMDH-0007-1 | Nhà kho - NMN                               | 31/01/2016          | 72                 | 80.222.798            | 300                 | 26.740.932   | 53.481.866  | 673.551.240   | 216               | 192.214.453   | 481.336.787     |
| 11  | DHNCKT-DA NMDH-0008-1 | Nhà xe - NMN                                | 31/01/2016          | 72                 | 8.132.382             | 300                 | 2.710.788    | 5.421.594   | 67.640.751    | 216               | 18.846.458    | 48.794.293      |
| 12  | DHNCKT-DA NMDH-0009-1 | Nhà đặt máy phát điện - NMN                 | 31/01/2016          | 72                 | 17.111.862            | 300                 | 5.703.960    | 11.407.902  | 143.680.009   | 216               | 41.008.836    | 102.671.173     |
| 13  | DHNCKT-DA NMDH-0010-1 | Đường nội bộ - NMN                          | 31/01/2016          | 60                 | 235.512.707           | 240                 | 90.581.808   | 144.930.899 | 1.887.038.450 | 156               | 709.474.913   | 1.177.563.537   |
| 14  | DHNCKT-DA NMDH-0011-1 | Công, hàng rào                              | 31/01/2016          | 60                 | 447.688.631           | 300                 | 124.357.956  | 323.330.675 | 3.118.538.902 | 216               | 880.095.747   | 2.238.443.155   |
| 15  | DHNCKT-DA NMDH-0012-1 | Đường ống kỹ thuật công nghệ (Xây dựng)     | 31/01/2016          | 72                 | 34.667.654            | 360                 | 9.043.740    | 25.623.914  | 270.720.163   | 276               | 62.714.238    | 208.005.925     |
| 16  | DHNCKT-DA NMDH-0013-1 | Đường nội bộ - Trạm bơm giếng số 1,2,3 (XD) | 30/01/2016          | 60                 | 9.777.999             | 240                 | 3.760.764    | 6.017.235   | 75.225.405    | 156               | 26.335.412    | 48.889.993      |

| STT | Mã TS                 | Tên Tài sản                                      | Năm đưa vào sử dụng | Số tháng trích lại | Số KH trích lại (mới) | Số tháng phải trích | KH trong năm  | Chênh lệch  | Nguyên giá     | Số tháng trích KH | KH lũy kế     | Giá trị còn lại |
|-----|-----------------------|--|---------------------|--------------------|-----------------------|---------------------|---------------|-------------|----------------|-------------------|---------------|-----------------|
| 17  | DHNCKT-DA NMDH-0014-1 | Trạm bơm giếng số 1 - Nhà quản lý (XD)           | 30/01/2016          | 72                 | 12.095.309            | 300                 | 4.031.772     | 8.063.537   | 100.802.698    | 216               | 28.230.845    | 72.571.853      |
| 18  | DHNCKT-DA NMDH-0016-1 | Trạm bơm giếng số 2 - Nhà quản lý (XD)           | 30/01/2016          | 72                 | 12.140.787            | 300                 | 4.046.928     | 8.093.859   | 101.181.692    | 216               | 28.336.973    | 72.844.719      |
| 19  | DHNCKT-DA NMDH-0018-1 | Trạm bơm giếng số 3 - Nhà quản lý (XD)           | 31/01/2016          | 72                 | 12.355.643            | 300                 | 4.118.544     | 8.237.099   | 102.972.298    | 216               | 28.838.439    | 74.133.859      |
| 20  | DHMMTB-DA NMDH-0010-1 | Máy phát điện 450KVA                             | 30/01/2016          | 84                 | 133.703.308           | 240                 | 71.994.084    | 61.709.224  | 1.440.074.306  | 156               | 504.151.148   | 935.923.158     |
| 21  | DHPTVT-DA NMDH-0021-1 | Cụm xử lý (Công nghệ)                            | 30/01/2016          | 72                 | 134.159.529           | 360                 | 34.998.132    | 99.161.397  | 1.044.298.091  | 276               | 239.340.917   | 804.957.174     |
| 22  | DHPTVT-DA NMDH-0022-1 | Cụm xử lý (Công nghệ)                            | 30/01/2016          | 72                 | 134.159.529           | 360                 | 34.998.132    | 99.161.397  | 1.044.298.091  | 276               | 239.340.917   | 804.957.174     |
| 23  | DHPTVT-DA NMDH-0023-1 | Cụm xử lý (Công nghệ)                            | 30/01/2016          | 72                 | 134.159.529           | 360                 | 34.998.132    | 99.161.397  | 1.044.298.091  | 276               | 239.340.917   | 804.957.174     |
| 24  | DHPTVT-DA NMDH-0003-1 | Trạm bơm cấp 2 (Công nghệ)                       | 30/01/2016          | 72                 | 147.779.713           | 360                 | 38.551.224    | 109.228.489 | 1.150.423.908  | 276               | 263.745.632   | 886.678.276     |
| 25  | DHPTVT-DA NMDH-0017-1 | Đường ống kỹ thuật công nghệ (Công nghệ)         | 30/01/2016          | 72                 | 411.644.151           | 360                 | 107.385.432   | 304.258.719 | 3.204.656.071  | 276               | 734.791.163   | 2.469.864.908   |
| 26  | DHPTVT-DA NMDH-0018-1 | Đường ống kỹ thuật thoát nước                    | 30/01/2016          | 72                 | 108.962.180           | 360                 | 28.424.916    | 80.537.264  | 854.825.861    | 276               | 201.052.784   | 653.773.077     |
| 27  | DHPTVT-DA NMDH-0015-1 | Tuyến ống nước thô                               | 30/01/2016          | 120                | 94.946.260            | 360                 | 41.280.984    | 53.665.276  | 1.243.711.145  | 276               | 294.248.543   | 949.462.602     |
| 28  | DHPTVT-DA NMDH-0016-1 | Mạng lưới phân phối                              | 30/01/2016          | 240                | 1.410.901.248         | 360                 | 1.226.870.652 | 184.030.596 | 36.878.795.840 | 276               | 8.660.770.872 | 28.218.024.968  |
| 29  | DHPTVT-DA NMDH-0004-2 | Trạm bơm giếng số 1 - Giếng khoan 160m (CN+XD)   | 30/01/2016          | 72                 | 142.690.461           | 360                 | 37.223.604    | 105.466.857 | 1.116.772.147  | 276               | 260.629.379   | 856.142.768     |
| 30  | DHPTVT-DA NMDH-0024-1 | Trạm bơm giếng số 1 - Giếng khoan 240m (CN+XD)   | 30/01/2016          | 72                 | 153.137.714           | 360                 | 39.948.972    | 113.188.742 | 1.198.537.955  | 276               | 279.711.673   | 918.826.282     |
| 31  | DHPTVT-DA NMDH-0005-1 | Trạm bơm giếng số 1 - đường ống kỹ thuật (CN+XD) | 30/01/2016          | 72                 | 10.863.669            | 240                 | 5.013.996     | 5.849.673   | 100.293.405    | 156               | 35.111.389    | 65.182.016      |
| 32  | DHPTVT-DA NMDH-0025-1 | Trạm bơm giếng số 1 - Phần bơm giếng             | 30/01/2016          | 72                 | 84.028.246            | 240                 | 38.782.272    | 45.245.974  | 775.749.094    | 156               | 271.579.621   | 504.169.473     |
| 33  | DHPTVT-DA NMDH-0006-2 | Trạm bơm giếng số 2 - Giếng khoan 160m (CN+XD)   | 30/01/2016          | 72                 | 144.036.112           | 360                 | 37.574.640    | 106.461.472 | 1.127.303.931  | 276               | 263.087.257   | 864.216.674     |



| STT              | Mã TS                 | Tên Tài sản   | Năm đưa vào sử dụng | Số tháng trích lại | Số KH trích lại (mới) | Số tháng phải trích | KH trong năm         | Chênh lệch           | Nguyên giá            | Số tháng trích KH | KH lũy kế             | Giá trị còn lại       |
|------------------|-----------------------|---|---------------------|--------------------|-----------------------|---------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|
| 34               | DHPTVT-DA NMDH-0026-1 | Trạm bơm giếng số 2 - Giếng khoan 240m (CN+XD)      | 30/01/2016          | 72                 | 152.505.014           | 360                 | 39.783.912           | 112.721.102          | 1.193.586.061         | 276               | 278.555.978           | 915.030.083           |
| 35               | DHPTVT-DA NMDH-0007-1 | Trạm bơm giếng số 2 - đường ống kỹ thuật (CN+XD)    | 30/01/2016          | 72                 | 9.272.626             | 240                 | 4.279.679            | 4.992.947            | 85.604.904            | 156               | 29.969.147            | 55.635.757            |
| 36               | DHPTVT-DA NMDH-0027-1 | Trạm bơm giếng số 2 - Phần bơm giếng                | 30/01/2016          | 72                 | 84.044.908            | 240                 | 38.789.963           | 45.254.945           | 775.902.915           | 156               | 271.633.466           | 504.269.449           |
| 37               | DHPTVT-DA NMDH-0009-1 | Trạm bơm giếng số 3 - đường ống kỹ thuật (CN+XD)    | 30/01/2016          | 72                 | 7.796.695             | 240                 | 3.598.476            | 4.198.219            | 71.979.122            | 156               | 25.198.955            | 46.780.167            |
| 38               | DHPTVT-DA NMDH-0008-1 | Trạm bơm giếng số 3 - Giếng khoan (CN+XD)           | 30/01/2016          | 72                 | 104.685.872           | 360                 | 27.309.360           | 77.376.512           | 819.327.827           | 276               | 191.212.597           | 628.115.230           |
| 39               | DHPTVT-DA NMDH-0010-2 | Trạm bơm giếng số 4 - Phần bơm giếng                | 30/01/2016          | 72                 | 98.946.696            | 360                 | 25.812.180           | 73.134.516           | 774.409.939           | 276               | 180.729.762           | 593.680.177           |
| 40               | DHPTVT-DA NMDH-0011-1 | Khoan thăm dò kết hợp khai thác G1 - DH             | 30/01/2016          | 120                | 147.588.031           | 360                 | 64.168.704           | 83.419.327           | 1.925.171.870         | 276               | 449.291.564           | 1.475.880.306         |
| 41               | DHPTVT-DA NMDH-0012-1 | Khoan thăm dò kết hợp khai thác G2 - DH             | 30/01/2016          | 120                | 147.588.031           | 360                 | 64.168.704           | 83.419.327           | 1.925.171.870         | 276               | 449.291.564           | 1.475.880.306         |
| 42               | DHPTVT-DA NMDH-0013-1 | Khoan thăm dò kết hợp khai thác G3 - DH             | 30/01/2016          | 120                | 147.588.031           | 360                 | 64.168.704           | 83.419.327           | 1.925.171.870         | 276               | 449.291.564           | 1.475.880.306         |
| 43               | DHPTVT-DA NMDH-0014-1 | Khoan thăm dò kết hợp khai thác G4 - DH             | 30/01/2016          | 120                | 147.588.031           | 360                 | 64.168.704           | 83.419.327           | 1.925.171.869         | 276               | 449.291.562           | 1.475.880.307         |
| 44               | DHPTVT-DA NMDH-0028-1 | Tuyến đường số 1 khu kinh tế Định An, PED250=6.714m | 10/10/2016          | 240                | 330.686.186           | 360                 | 278.472.576          | 52.213.610           | 8.354.846.068         | 285               | 1.741.122.345         | 6.613.723.723         |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                       |   |                     |                    | <b>7.482.231.616</b>  |                     | <b>3.399.682.522</b> | <b>4.082.549.094</b> | <b>95.792.668.363</b> |                   | <b>23.814.602.103</b> | <b>71.978.066.260</b> |

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thanh Ngân

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đào Thiện Duyên

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Duy



Số: 151/TTr - CTN

Trà Vinh, ngày 23 tháng 3 năm 2023

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc gia hạn hạn mức tín dụng vốn lưu động**

Kính gửi: - Hội đồng quản trị

Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh.

Căn cứ kế hoạch đầu tư mua sắm vật tư chuyên ngành để phát triển khách hàng năm 2023 của Tổng giám đốc đã được Hội đồng quản trị Công ty thống nhất tại Nghị quyết số 53/NQ-HĐQT ngày 08/12/2022

Để đảm bảo được nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2023 đúng theo kế hoạch năm đã được duyệt.

Hiện nay hợp đồng vay hạn mức tín dụng số 01/2022/854354/HĐTD được lập ngày 10/5/2022 của Ngân hàng BIDV cho vay hạn mức tín dụng là 3.400.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ bốn trăm triệu đồng); thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 10/5/2023.


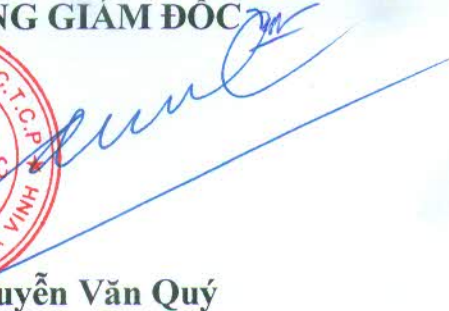
· Tài sản thế chấp vay vốn: xe chuyên dùng biển số 84C-059.39

Do đó Tổng giám đốc Công ty trình Hội đồng quản trị cho gia hạn hạn mức tín dụng vốn lưu động thời gian 01 (một) năm từ ngày 10/5/2023 đến 10/5/2024

Kính trình Hội đồng quản trị xem xét quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- BTGD;
- TBKS;
- Lưu VT; KTTV

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
  
**Nguyễn Văn Quý**

Số 152/TTr - CTN

Trà Vinh, ngày 13 tháng 03 năm 2023

## TỜ TRÌNH

Về việc xử lý tài chính các khoản nợ khó đòi

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty.

Căn cứ Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp”;

Căn cứ theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp”;

Căn cứ báo cáo số 16/BC-TCN ngày 22/3/2023 của Tổ thu hồi công nợ báo cáo về đề xuất xử lý xóa nợ tất cả các hồ sơ đủ điều kiện xóa nợ;

Ban Tổng giám đốc Công ty báo cáo Hội đồng quản trị các khoản nợ khó đòi đã nêu trong báo cáo của Tổ thu hồi công nợ đã được trích lập dự phòng theo quy định tại điều 6 Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính tính đến thời điểm 31/12/2022.

1. Công nợ tiền nước khó đòi đã tạm ngưng cung cấp nước được địa phương xác nhận không có khả năng chi trả: *(đính kèm danh sách xác nhận địa phương)*

- CN cấp nước TP Trà Vinh: 104 hộ tổng số tiền: 135.548.473 đồng.
- CN Cấp nước Cầu Ngang: 01 hộ số tiền: 1.322.375 đồng

2. Công nợ của các dự án lia trước khi cổ phần. Tổ thu hồi công nợ đã gửi công văn đòi nợ nhiều lần nhưng đã thay đổi địa chỉ không có người nhận:

- Công ty cổ phần ĐT&XD Việt Anh (lia 10): 147.455.661 đồng
- Công ty cổ phần Nam Tân (lia 12, 14): 351.326.452 đồng
- Công ty TNHH Xây dựng số 9 (lia 17,19): 40.500.000 đồng

*(đính kèm báo phát của bưu điện trả về)*

3. Nợ khó đòi khác: Ông Trần xuong Hải có xác nhận của địa phương là hộ nghèo mất khả năng chi trả: 15.988.326 đồng *(đính kèm biên bản xác nhận của địa phương)*

**Tổng nợ đề nghị xử lý là: 692.641.287 đồng**

Bằng chữ: (Sáu trăm chín mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn hai trăm tám mươi bảy đồng)



Trong nhiều năm, phòng kế toán đã phối hợp với tổ thu hồi công nợ gửi thư xác nhận và đòi nợ đến từng đơn vị nhưng đều hoàn trả về với lý do đã thay đổi địa chỉ không có người nhận, do đó vẫn chưa có khoản thu hồi công nợ nào từ các đối tượng trên. Tổng công nợ khó đòi đã trích lập dự phòng tại 31/12/2022 cho các khoản nợ nêu trên là 692.641.287 đồng.


Theo điểm e mục 1.4 khoản 1 điều 45 của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính quy định: Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm, doanh nghiệp đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì doanh nghiệp có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xoá những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán. Việc xoá các khoản nợ phải thu khó đòi phải thực hiện theo quy định của pháp luật và điều lệ doanh nghiệp. Số nợ này được theo dõi trong hệ thống quản trị của doanh nghiệp và trình bày trong thuyết minh Báo cáo tài chính. Nếu sau khi đã xoá nợ, doanh nghiệp lại đòi được nợ đã xử lý thì số nợ thu được sẽ hạch toán vào tài khoản 711 "Thu nhập khác".

Căn cứ vào các cơ sở nêu trên Ban Tổng giám đốc kính trình Hội đồng quản trị xem xét Quyết định xử lý các khoản nợ khó đòi và tiếp tục theo dõi ngoài sổ sách đúng quy định hiện hành của Nhà Nước.

Kính trình Hội đồng quản trị xem xét thông qua./.

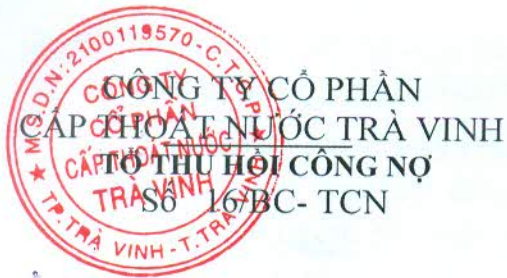
**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Ban TGD;
- TBKS
- Lưu: VT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
**Nguyễn Văn Quý**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH**  
M.S.D.N: 2100119570-C.T.C.P  
TP. TRÀ VINH - T. TRÀ VINH

**19570-C.T.C.P**  
**GTY HẠN ÁT NƯỚC VINH**  
-T. TRÀ VINH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 22 tháng 03 năm 2023

## BÁO CÁO

Về việc xử lý tài chính các khoản nợ khó đòi

Kính gửi: Ban Tổng giám đốc Công ty.

Căn cứ Quyết định số 104/QĐ-CTN ngày 22/11/2018 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần cấp thoát nước Trà Vinh về việc thành lập Tổ thu hồ và xử lý công nợ.

Căn cứ Biên bản số 01/CTN-TCN ngày 27/7/2022 của Tổ trưởng tổ thu hồi công nợ báo cáo và đề xuất xử lý xóa nợ tất cả các hồ sơ đủ điều kiện xóa nợ như sau:

1. Công nợ tiền nước khó đòi tạm ngưng cung cấp nước đã được địa phương xác nhận không có khả năng chi trả: *(đính kèm danh sách xác nhận địa phương)*

- CN cấp nước TP Trà Vinh: Tổng số là 104 hộ số tiền là: 135.548.473 đồng.

- CN Cấp nước Cầu Ngang: 01 hộ Hồ Kim Lâm số tiền là: 1.322.375 đồng

2. Công nợ khó đòi của các dự án lia trước cổ phần. Tổ thu hồi công nợ đã gửi công văn đòi nợ nhiều lần trong năm nhưng đã thay đổi địa chỉ không có người nhận:

- Công ty cổ phần ĐT&XD Việt Anh (lia 10): 147.455.661 đồng

- Công ty cổ phần Nam Tân (lia 12, 14): 351.326.452 đồng

- Công ty TNHH Xây dựng số 9 (lia 17,19): 40.500.000 đồng

*(đính kèm báo phát của bưu điện trả về)*

3. Nợ khó đòi khác: có xác nhận của địa phương là hộ nghèo mất khả năng chi trả:

- Ông Trần xương Hải: 15.988.326 đồng

*(đính kèm biên bản xác nhận của địa phương)*

**Tổng nợ đề nghị xử lý là: 692.641.287 đồng**

Bằng chữ: (Sáu trăm chín mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn hai trăm tám mươi bảy đồng)

Trong thời gian dài Tổ thu hồi công nợ đã liên lạc và gửi công văn để thu hồi nợ, tuy nhiên khi gửi thư xác và đòi nợ đến từng đơn vị thì thư hoàn trả về lý



do đã thay đổi địa chỉ không có người nhận, do đó vẫn chưa có khoản thu hồi công nợ nào từ các đối tượng đã nêu trên.

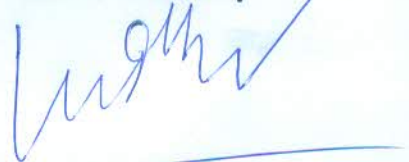
Căn cứ vào các cơ sở nêu trên Tổ thu hồi công nợ kính trình Ban Tổng giám đốc xem xét thông qua Hội đồng quản trị quyết định xử lý các khoản nợ khó đòi và tiếp tục theo dõi ngoài sổ sách theo các quy định hiện hành của Nhà Nước.

Kính trình Hội đồng quản trị xem xét thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

**TỔ TRƯỞNG TỔ THU  
HỒI CÔNG NỢ**



**Trương Hoàng Diệp**



**TỜ TRÌNH**

Về việc kế hoạch quỹ tiền lương năm 2023  
của người lao động trong Công ty

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh

Để có cơ sở xác định và chi trả tiền lương cho người lao động thuộc Chi nhánh Quản lý Thoát nước năm 2023 trong Công ty Cổ phần cấp thoát nước Trà Vinh.

Nay Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị trình Bảng xác định quỹ tiền lương kế hoạch năm 2023 của người lao động Chi nhánh Quản lý thoát nước với tổng quỹ tiền lương là 2.461.598.184 đồng.

(đính kèm bảng xác định quỹ tiền lương).

Tổng Giám đốc thông qua Hội đồng quản trị Công ty xem xét, quyết định.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban TGD;
- Trường BKS (g/s);
- Lưu: VT.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Quý

Trà Vinh, ngày 29 tháng 3 năm 2023

**BẢNG XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG KẾ HOẠCH  
CỦA CHI NHÁNH QUẢN LÝ THOÁT NƯỚC NĂM 2023**

**1. Căn cứ để thực hiện:**

- Căn cứ mức tiền lương bình quân kế hoạch năm 2023 của người lao động cấp nước: 8.335.359 đồng.

- Mức tăng tiền lương của người lao động Chi nhánh Quản lý Thoát nước tăng 07% so với mức tiền lương bình quân của người lao động bộ phận cấp nước:

$$8.335.359 \times 107\% = 8.918.834 \text{ đồng.}$$

**2. Tổng quỹ tiền lương kế hoạch năm 2023:**

- Số lao động kế hoạch năm 2023: 23 người.

- Tổng quỹ tiền lương kế hoạch:

$$8.918.834 \text{ đồng} \times 23 \text{ người} \times 12 \text{ tháng} = 2.461.598.184 \text{ đồng (1)}$$

**3. Nguồn hình thành quỹ tiền lương kế hoạch:**

3.1. Theo nhân công quyết toán thực tế năm 2022 tại phòng Quản lý đô thị Thành phố Trà Vinh hiện tại của nhà máy xử lý nước thải là 20 người được tính như sau:

$$124.675.200đ \times 12 \text{ tháng} = 1.496.102.400 \text{ đồng}$$

3.2. Theo dự toán khối lượng dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn thành phố Trà Vinh năm 2023 và theo chi phí nhân công theo Quyết định số 93/QĐ-CTN ngày 18/5/2020 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần cấp thoát nước Trà Vinh về việc phê duyệt điều chỉnh đơn giá tiền lương sản phẩm năm 2020 của Chi nhánh quản lý thoát nước như sau:

- Cống tròn :  $818.49 \text{ m}^3 \times 323.805 = 265.029.859 \text{ đồng}$

- Cống hộp + hố ga :  $1.657,40 \text{ m}^3 \times 258.273 = 428.062.445 \text{ đồng}$

- Kênh mương :  $85,2 \text{ m}^3 \times 250.564 = 21.348.053 \text{ đồng}$

**Tổng cộng : 714.440.357 đồng**

3.3. Vậy tổng hai nguồn hình thành quỹ tiền lương kế hoạch năm 2023:

$$714.440.357 + 1.496.102.400 = 2.210.542.757 \text{ đồng (2)}$$

3.4. Chênh lệch so với tổng quỹ lương kế hoạch (1) – (2):

$$2.461.598.184 - 2.210.542.757 = 251.055.427 \text{ đồng}$$

Để bù đắp cho khoản thiếu trên, đề nghị tạm thời điều chỉnh đơn giá tiền lương sản phẩm (theo Quyết định số 93/QĐ-CTN ngày 18/5/2020) tăng 35,14%, cho từng loại sản phẩm, với số tiền tăng cụ thể như sau:



- Công tròn : 323.805 x 35,14% = 113.786 đồng
- Công hộp + hồ ga : 258.273 x 35,14% = 90.757 đồng
- Kênh mương : 250.564 x 35,14% = 88.048 đồng

Khi đơn giá điều chỉnh tăng thêm thì số tiền từng loại công tăng thêm tương ứng là:

- Công tròn : 818.49 m<sup>3</sup> x 113.876 = 90.131.895 đồng
  - Công hộp + hồ ga : 1.657,40 m<sup>3</sup> x 90.757 = 150.421.794 đồng
  - Kênh mương : 85,2 m<sup>3</sup> x 88.048 = 7.501.738 đồng
- Tổng cộng : 251.055.427 đồng**

\* Tổng chi phí nhân công theo khối lượng dịch vụ:

$$714.440.357 + 251.055.427 = 965.495.784 \text{ đồng.}$$

Chi phí nhân công theo khối lượng dịch vụ trên chiếm tỷ lệ 76,8% so với chi phí nhân công theo dự toán khối lượng dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn thành phố Trà Vinh năm 2023 (1.257.179.219 đồng).

- Đơn giá tiền lương theo sản phẩm trên tạm thời áp dụng cho năm 2023.

- Khi có Dự toán của Nhà máy xử lý nước thải được phê duyệt và giao cho Công ty thực hiện thì nguồn hình thành quỹ tiền lương trên sẽ được điều chỉnh lại cho phù hợp với tình hình thực tế.

\* Tổng quỹ tiền lương trên bao gồm các khoản như:

Lương thời gian, lương sản phẩm, lương trực mưa, làm thêm giờ, hội họp, học tập, tập huấn, phụ cấp ca ba, trực lễ tết, phép hàng năm, việc riêng có lương ... cho 23 người của Chi nhánh.

\* **Ghi chú:**

- Việc quyết toán sẽ theo tình hình thực tế.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Quý**



Số: 140 /TTr-CTN

Trà Vinh, ngày 11 tháng 03 năm 2023

**TỜ TRÌNH**

**Về việc phê duyệt Quy chế tuyển dụng và sử dụng lao động**

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty;

Để phù hợp với Điều lệ Công ty sửa đổi và điều kiện thực tế của Công ty, thời gian qua Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo xây dựng Quy chế tuyển dụng và sử dụng lao động áp dụng trong Công ty. Đến nay dự thảo Quy chế qua thời gian giới đóng góp Phòng Tổ chức Hành chính đã tổng hợp và chỉnh sửa xong.

Nay Tổng Giám đốc Công ty đề nghị Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt để ban hành Quy chế trên triển khai thực hiện trong Công ty.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- HĐQT Công ty;
- Lưu: VT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Văn Quý*

Trà Vinh, ngày tháng năm 2023

**QUY CHẾ  
TUYỂN DỤNG VÀ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-HĐQT ngày tháng năm 2023  
của HĐQT Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh)

**CHƯƠNG I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Mục đích và phạm vi áp dụng**

**1. Mục đích:**

Quy chế này quy định việc tuyển dụng lực lượng lao động và sử dụng lao động theo đúng trình tự, thủ tục, yêu cầu công việc, đảm bảo lực lượng lao động đáp ứng nhu cầu phục vụ lao động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và phù hợp với các quy định của pháp luật.

**2. Phạm vi áp dụng:**

- Thống nhất áp dụng cho toàn bộ hoạt động tuyển dụng và sử dụng lao động của công ty theo đúng nguyên tắc và tiêu chuẩn đối với từng loại hình công việc (trừ lao động mùa vụ).

- Tất cả các chức danh công việc được tuyển dụng vào làm việc tại Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh (không bao gồm chức danh Chủ tịch HĐQT Công ty, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty, Trưởng ban Kiểm soát).

- Các trường hợp đặc biệt tuyển chuyên gia, chuyên viên giỏi, người có học hàm, học vị cao do Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty trực tiếp xem xét quyết định cụ thể, không thuộc đối tượng áp dụng của Quy chế này.

**Điều 2. Nguồn tuyển dụng**

Người lao động có nhu cầu làm việc ổn định tại công ty và có đủ điều kiện đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại quy chế này.

**Điều 3. Nguyên tắc tuyển dụng**

1. Việc tuyển dụng lao động được thực hiện căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh, nhu cầu thực tế do Tổng Giám đốc công ty quyết định.

2. Đối tượng được tuyển dụng phải đảm bảo các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và sức khỏe.

3. Việc tuyển dụng được tiến hành công khai, công bằng, đúng quy định và tiêu chuẩn, đảm bảo tuyển dụng được những lao động thực sự có năng lực, đáp ứng yêu cầu công việc.

## **Điều 4. Các định nghĩa, từ viết tắt**

### **1. Định nghĩa**

Tuyển dụng là hình thức tuyển chọn các ứng viên đáp ứng các tiêu chuẩn và yêu cầu công tác (đối với vị trí cần tuyển) của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh thông qua hình thức phỏng vấn.

Hội đồng tuyển dụng: Là người chịu trách nhiệm chính trong việc phỏng vấn tuyển dụng lao động.

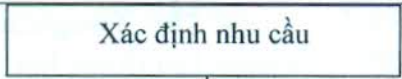
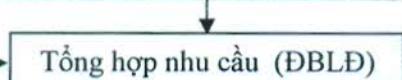
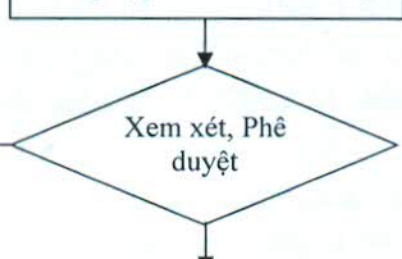
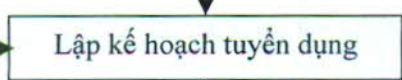
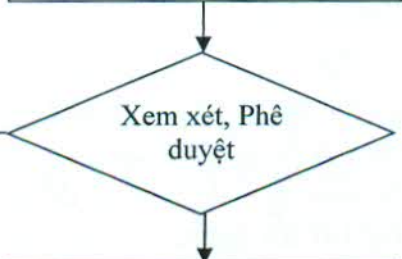
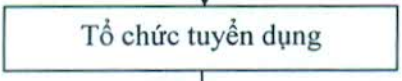
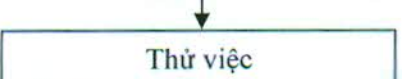
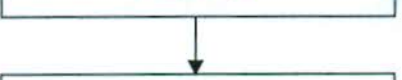
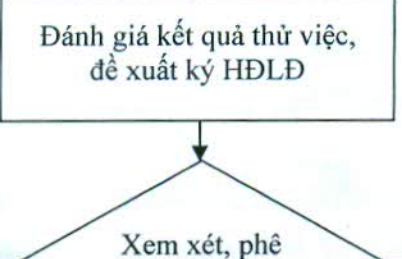
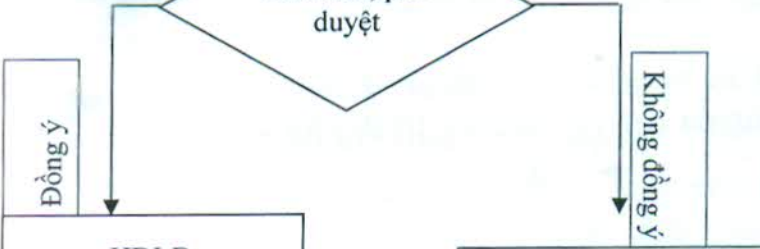
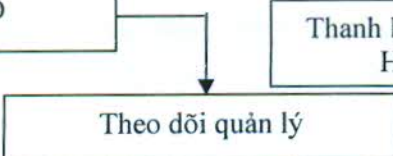
Định biên lao động: Là tổng số lao động hàng năm đã được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt.

### **2. Từ viết tắt:**

- Công ty: Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh
- HĐTD: Hội đồng Tuyển dụng.
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- TGD: Tổng Giám đốc
- P. TCHC: Phòng Tổ chức Hành chính.
- Đơn vị: Các chi nhánh, các phòng chức năng.
- HĐLĐ: Hợp đồng lao động.
- ĐBLĐ: Định biên lao động.

**Chương II**  
**TỔ CHỨC, TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TUYỂN DỤNG**

**Điều 5. Lưu đồ**

| Bước thực hiện  | Trách nhiệm           | Mẫu biểu        |
|---|-----------------------|-----------------|
|    | Các Đơn vị có nhu cầu | PĐKNCTD - 01    |
|    | P. TC-HC              | TTĐB - 02       |
|    | TGD, HĐQT             |                 |
|    | P.TC-HC               | KHTD-03         |
|   | TGD                   |                 |
|  | HĐTD & Bộ phận TD     | TBTD - 04       |
|  | Các đơn vị liên quan  | HĐLĐTV          |
|  | Các đơn vị liên quan  | BCKQTV- 05      |
|  | TGD                   |                 |
|  | P.TC-HC               | HĐLĐ hoặc không |
|  | Các Đơn vị liên quan  |                 |

## **Điều 6. Xác định nhu cầu lao động**

1. Hàng năm (vào cuối quý IV của năm trước) căn cứ vào tình hình sử dụng lao động thực tế tại các đơn vị, căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh, các đơn vị đăng ký kế hoạch sử dụng lao động với Công ty.

2. Phòng Tổ chức Hành chính tổng hợp, báo cáo Tổng Giám đốc Công ty trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch định biên lao động hàng năm.

## **Điều 7. Lập kế hoạch tuyển dụng**

1. Phòng Tổ chức Hành chính lập kế hoạch tuyển dụng lao động căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch được giao; số lượng lao động nghỉ hưu, nghỉ việc cần thay thế trong năm của các đơn vị trên cơ sở định biên lao động đã được phê duyệt.

2. Trình kế hoạch tuyển dụng cho Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt. Kế hoạch tuyển dụng bao gồm: số lao động cần tuyển, yêu cầu tiêu chuẩn đối với từng vị trí công việc cần tuyển, thời gian, địa điểm và nguồn tuyển dụng.

## **Điều 8. Tuyển dụng**

### **1. Thông báo tuyển dụng.**

Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt nội dung thông báo tuyển dụng. Phòng TCHC thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và tại văn phòng công ty; và liên hệ các cơ quan tuyển dụng, các trường đào tạo, dạy nghề để mời các ứng viên tham gia tuyển dụng. Thời gian đăng thông tin tối thiểu 7 ngày trước khi nhận hồ sơ.

Thông báo tuyển dụng bao gồm một số nội dung sau:

- Một số thông tin về đơn vị.
- Số lượng và chức danh công việc cần tuyển.
- Đối tượng tuyển dụng.
- Tiêu chuẩn của người tham gia dự tuyển.
- Các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký dự tuyển.
- Điều kiện làm việc, thu nhập.
- Địa điểm, thời gian nhận hồ sơ và tổ chức tuyển dụng.
- Các điều kiện khác do Công ty quy định thêm nhưng không trái với quy định của pháp luật.

Sau khi tiếp nhận, liệt kê và phân tích hồ sơ dự tuyển, Phòng TCHC tổng hợp danh sách ứng viên sơ tuyển đạt yêu cầu và trình Hội đồng tuyển dụng thực hiện xét tuyển.

### **2. Hồ sơ tuyển dụng.**

- Đơn xin việc (Có dán ảnh và xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú).

- Giấy khám sức khỏe được cơ sở y tế xác nhận (không quá 6 tháng tính đến ngày thông báo tuyển dụng lao động).

- Lý lịch (có xác nhận của chính quyền địa phương về lý lịch, hạnh kiểm ở địa phương nơi cư trú, có đóng dấu giáp lai nơi dán ảnh).

- Giấy CMND hoặc CCCD bản sao (bản chính kèm theo để đối chiếu sau đó trả lại).

- Các văn bằng, chứng chỉ có liên quan theo nhu cầu tuyển dụng (bản sao và bản chính; bản chính dùng để đối chiếu sau đó trả lại).

- Ảnh 3×4 (4 ảnh).

- Các giấy tờ có liên quan thâm niên kinh nghiệm từ đơn vị khác (nếu có).

### **3. Hội đồng tuyển dụng:**

#### *3.1. Thành phần Hội đồng tuyển dụng*

- Tổng Giám đốc Công ty: Chủ tịch Hội đồng

- Phó Tổng Giám đốc Công ty: Phó Chủ tịch Hội đồng

- Phòng Tổ chức Hành chính: Ủy viên thường trực

- Trưởng các đơn vị có nhu cầu tuyển: Ủy viên

- Nhân viên có nghiệp vụ của ngành cần tuyển: Ủy viên.

- Nhân viên nghiệp vụ lao động tiền lương: Ủy viên

- Một số người lao động chuyên môn khác do Hội đồng mời (khi cần thiết).

#### *3.2. Chức năng nhiệm vụ của Hội đồng tuyển dụng*

Có nhiệm vụ tham mưu, tư vấn giúp Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty thực hiện việc tuyển dụng, có các chức năng chủ yếu như sau:

- Kiểm tra hồ sơ ứng viên, thẩm tra, xác minh, làm rõ các thông tin liên quan đến ứng viên.

- Tiến hành phỏng vấn, xét tuyển, thử tay nghề, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Sau khi xét tuyển, Hội đồng tuyển dụng sẽ đánh giá kết quả phỏng vấn, tiến hành họp lựa chọn và lập danh sách các ứng viên đạt yêu cầu, tham mưu về vị trí công việc và mức lương thích hợp, Tổng Giám đốc Công ty xem xét quyết định.

- Thông báo kết quả tuyển dụng cho người lao động (bằng văn bản qua đường bưu điện, điện thoại).

- Thử việc và huấn luyện.

### **4. Thông báo kết quả tuyển dụng.**

Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày có kết quả tuyển dụng, Phòng TCHC thông báo kết quả tuyển dụng và danh sách những người trúng tuyển cho các ứng viên (bằng văn bản qua đường bưu điện, điện thoại). Đồng thời Phòng TCHC, thông báo thời gian, địa điểm tiếp nhận bắt đầu làm việc cụ thể cho các ứng viên trúng tuyển.

## **Điều 9. Thử việc và Ký kết hợp đồng lao động**

### **1. Thử việc**

- Trong thời hạn 07 ngày (làm việc) kể từ ngày Công ty và người lao động được tuyển dụng giao kết hợp đồng lao động, nếu người lao động không đến đơn vị làm việc mà không có lý do chính đáng, không được Công ty chấp thuận thì Công ty có quyền đơn phương ra quyết định hủy bỏ hợp đồng lao động đã được ký kết.

- Trong thời gian thử việc, bộ phận sử dụng lao động cần giao việc cho người lao động rõ ràng (công việc chính và phụ) để người lao động biết rõ việc mình làm; đồng thời làm cơ sở đánh giá sau khi người lao động hết thời gian thử việc.

### **2. Đánh giá kết quả thử việc**

Sau khi hết thời gian thử việc, các bộ phận có liên quan, tiến hành đánh giá kết quả thử việc của người lao động.

Nếu không đạt yêu cầu, Công ty ra thông báo không tiếp tục ký hợp đồng lao động và gửi thông báo cho người lao động.

Nếu đạt yêu cầu Công ty và người lao động phải thực hiện việc giao kết hợp đồng lao động. Công ty bố trí sắp xếp việc làm cho người lao động, người lao động có trách nhiệm tuân thủ các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng lao động. Thời hạn ký kết, mức lương và các điều kiện làm việc khác được ghi trong hợp đồng lao động phải đúng theo quy định của Luật Lao động, Thỏa ước lao động tập thể và Quy chế tiền lương của Công ty.

## **Điều 10. Bố trí công việc**

Sau khi ký kết hợp đồng lao động chính thức, Công ty Có trách nhiệm:

- Bố trí, sắp xếp việc làm, quản lý người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại công ty.

- Tổng Giám đốc công ty có quyền phân công, điều động người lao động đến làm việc ở vị trí việc làm mới trong nội bộ công ty, mọi quyền lợi của người lao động được tính liên tục theo quy định của Nhà nước và của công ty.

- Bố trí, sắp xếp tạo điều kiện cho người lao động làm việc trong công ty tham gia các khóa học tập huấn, bổ sung kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, các khóa học dài hạn đào tạo chuyên môn khi cần thiết.

## **Điều 11. Quyền lợi và trách nhiệm của người lao động**

- Phải xác định chuyên tâm làm việc ổn định tại công ty, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

- Trong quá trình làm việc, người lao động có trách nhiệm chấp hành tốt đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nghiêm chỉnh chấp hành các quy chế, quy định, nội quy, kỷ luật lao động của công ty, sự chỉ đạo trực tiếp của người phụ trách đơn vị; thường xuyên phấn đấu học tập, tiếp thu kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ tay nghề.

- Người lao động hoàn thành tốt công việc được giao sẽ được nâng lương theo quy định của công ty; được xét khen thưởng theo quy chế của công ty.

- Trường hợp người lao động vi phạm nội quy kỷ luật lao động trong quá trình làm việc sẽ phải chịu các hình thức kỷ luật theo Nội quy lao động của công ty và các quy định khác của pháp luật.

### **CHƯƠNG III SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**

#### **Điều 12. Điều động**

Tổng Giám đốc công ty có quyền phân công, điều động người lao động đến làm việc tại nơi làm việc mới theo nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty.

#### **Điều 13. Chấm dứt hợp đồng lao động**

Người sử dụng lao động có quyền chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động:

- Khi người lao động vi phạm nội quy, quy định của đơn vị, người lao động không đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn của công việc.

- Khi quy mô sản xuất thu hẹp dẫn đến dôi dư lực lượng lao động.

- Khi người lao động có nguyện vọng xin chấm dứt hợp đồng lao động.

- Chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của Bộ Luật lao động.

Khi chấm dứt hợp đồng lao động Người sử dụng lao động có trách nhiệm chi trợ cấp thôi việc cho người lao động theo quy định của pháp luật, hướng dẫn để người lao động làm thủ tục hưởng trợ cấp mất việc làm theo quy định.

#### **Điều 14. Bổ sung hồ sơ**

Định kỳ hàng năm, Công ty có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn người lao động trong việc bổ sung hồ sơ nhân sự để làm cơ sở cho việc quản lý, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực. Nội dung bổ sung bao gồm những thay đổi về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị của bản thân, quan hệ gia đình, xã hội.

#### **Điều 15. Đào tạo lao động**

Thực hiện theo Quy chế đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực của công ty đã được ban hành.

### **CHƯƠNG IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 16. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc công ty**

- Chỉ đạo thực hiện công tác tuyển dụng và sử dụng lao động để đảm bảo tính công khai dân chủ và nghiêm túc, thực hiện đúng những quy định của quy chế này.

- Bố trí người lao động được tuyển dụng làm việc đúng với chức danh tuyển



dụng và quản lý người lao động làm việc trong công ty.

**Điều 17. Phòng Tổ chức Hành chính công ty có nhiệm vụ:**

- Giúp Tổng giám đốc trong việc xây dựng kế hoạch tuyển dụng lao động hàng năm của công ty, đề xuất danh sách lao động cử đi học tập, tập huấn nâng cao tay nghề hàng năm.

- Tham mưu trong việc tổ chức tuyển dụng lao động của công ty khi có yêu cầu tuyển dụng

- Là thường trực trong việc chọn tuyển người vào làm việc tại công ty và các nhiệm vụ liên quan trong việc ký kết HĐLĐ.

- Quản lý người được cử đi đào tạo trong thời gian đào tạo.

**Điều 18. Các Phòng, đơn vị trực thuộc công ty có nhiệm vụ:**

- Báo cáo tình hình lao động của đơn vị đến Tổng Giám đốc công ty hoặc qua phòng Tổ chức - hành chính.

- Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ tuyển chọn lao động cho bộ phận liên quan và đơn vị mình.

**Điều 19. Điều khoản thi hành**

- Quy chế này gồm 04 chương 19 điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và phổ biến đến mọi người lao động trong công ty.

- Mọi quy định trước đây trái với quy chế này đều hủy bỏ.

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh những bất hợp lý hoặc khi tổ chức và hoạt động của Công ty, các quy định của Nhà nước có sự thay đổi ảnh hưởng, Quy chế sẽ được xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Những nội dung khác về tuyển lao động không nêu trong Quy chế được thực hiện theo quy định của Bộ Luật Lao động./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH  
ĐƠN VỊ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày.....tháng....năm.....

**PHIẾU ĐĂNG KÝ  
NHU CẦU TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG NĂM .....**

Kính gửi: - Tổng Giám đốc Công ty CP Cấp thoát nước Trà Vinh;  
- Phòng Tổ chức Hành chính.

- Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm ..... của đơn vị.
- Nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra, Đơn vị ..... đề xuất Công ty xem xét, bổ sung nhân sự cho đơn vị, cụ thể:

Số lượng: .....người.

Vị trí công việc:.....

Rất mong được sự chấp thuận của Công ty, tạo điều kiện để đơn vị hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Trân trọng./.

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:...../TTTr-CTN

Trà Vinh, ngày.....tháng.....năm.....

**TỜ TRÌNH  
ĐỊNH BIÊN LAO ĐỘNG NĂM .....**

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty CP Cấp thoát nước Trà Vinh

- Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm .....của Công ty CP Cấp thoát nước Trà Vinh.
- Căn cứ vào định biên nhân sự năm .....của Công ty và xét đề xuất của các đơn vị trực thuộc.

Nhằm tạo điều kiện để các đơn vị, phòng chức năng của Công ty hoàn thành nhiệm vụ được giao, Công ty CP Cấp thoát nước Trà Vinh kính trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét tờ trình định biên nhân sự năm ..... của Công ty:

| STT  | TÊN ĐƠN VỊ<br>Chức danh công việc. | ĐỊNH BIÊN<br>NĂM ..... | SỐ<br>HIỆN CÓ | KẾ<br>HOẠCH<br>NĂM ..... | GHI CHÚ |
|------|------------------------------------|------------------------|---------------|--------------------------|---------|
| 1    |                                    |                        |               |                          |         |
| .... |                                    |                        |               |                          |         |
| Cộng |                                    |                        |               |                          |         |

Với kế hoạch kinh doanh năm .....đã được các cấp lãnh đạo phê duyệt, nhằm tạo điều kiện giúp cho các đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Công ty kính trình Hội đồng quản trị xem xét, phê duyệt kế hoạch định biên nhân sự năm .....để Công ty có cơ sở triển khai thực hiện.

Rất mong được sự quan tâm chỉ đạo và chấp thuận của Hội đồng quản trị Công ty.

Trân trọng./.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:...../KH-CTN

Trà Vinh, ngày.....tháng....năm.....

## KẾ HOẠCH TUYỂN DỤNG NHÂN SỰ

Kính gửi: Tổng Giám đốc Công ty CP Cấp thoát nước Trà Vinh

- Căn cứ vào định biên nhân sự năm .....của Công ty CP Cấp thoát nước Trà Vinh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

- Căn cứ vào đề nghị bổ sung nhân sự của các đơn vị trực thuộc Công ty vào các vị trí công việc còn khuyết tại các đơn vị trong năm .....

- Căn cứ vào nhu cầu thực tế về số lượng đã được Tổng Giám đốc Công ty, .....

Để đảm bảo công tác tuyển dụng được kịp thời, đúng tiến độ. Phòng Tổ chức Hành chính lập kế hoạch tuyển dụng như sau:

### **I. Các vị trí công việc cần tuyển dụng** (theo định biên )

1.....

2.....

### **II. Tiêu chuẩn.** (Tuỳ theo vị trí công việc)

1.....

2.....

#### **\* Hồ sơ dự tuyển bao gồm:**

1. Đơn xin việc (Có dán ảnh và xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú).  
2. Lý lịch (có xác nhận của chính quyền địa phương về lý lịch, hạnh kiểm ở địa phương nơi cư trú, có đóng dấu giáp lai nơi dán ảnh).

3. Giấy khám sức khỏe được cơ sở y tế xác nhận (không quá 6 tháng tính đến ngày thông báo tuyển dụng lao động).

4. Giấy CMND hoặc CCCD bản sao (bản chính kèm theo để đối chiếu sau đó trả lại).

5. Các văn bằng, chứng chỉ có liên quan theo nhu cầu tuyển dụng (bản sao và bản chính; bản chính dùng để đối chiếu sau đó trả lại).

6. Ảnh 3×4 (4 ảnh).

7. Các giấy tờ có liên quan thâm niên kinh nghiệm từ đơn vị khác (nếu có).

### **III. Thông báo tuyển dụng:**

### **IV. Nhận hồ sơ và sàng lọc hồ sơ:**

- Thời gian nhận hồ sơ: từ ngày đăng báo cho đến hết ngày .....

- Hồ sơ tuyển dụng nộp tại Phòng Tổ chức Hành chính Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh (trực tiếp và chuyển phát nhanh).

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ Phòng Tổ chức Hành chính sẽ hỗ trợ Hội đồng tuyển dụng Công ty sơ tuyển hồ sơ, lựa chọn những ứng viên đáp ứng yêu cầu trình lãnh đạo công ty xem xét và phê duyệt.

**V. Phỏng vấn trực tiếp:**

**VI. Hội đồng tuyển dụng:**

**VII. Thông báo trúng tuyển và kế hoạch sau khi tuyển dụng:**

- Công ty sẽ gửi Thông báo trúng tuyển tới các ứng viên đạt yêu cầu chậm nhất là 15 ngày sau ngày phỏng vấn.

- Các ứng viên trúng tuyển sẽ được đào tạo và hướng dẫn nghiệp vụ theo quy định của Công ty.

- Phòng Tổ chức Hành chính tiến hành ký hợp đồng lao động và giải quyết các chế độ cho người lao động theo quy định của Công ty..

Kính trình Tổng Giám đốc Công ty xem xét, phê duyệt./.

**DUYỆT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:...../TB-CTN

Trà Vinh, ngày.....tháng....năm.....

**THÔNG BÁO**  
**V/v: Tuyển dụng nhân sự**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh thông báo tuyển dụng các vị trí công việc sau:

1. Chức danh công việc cần tuyển: số lượng.
2. Điều kiện:
3. Hồ sơ dự tuyển:
4. Thời gian, địa điểm nhận hồ sơ.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

***Nơi nhận:***

- Đăng tuyển trên báo, đài, các PTTT;
- Các đơn vị;
- Lưu VT.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ VIỆC**

Kính gửi: - Tổng Giám đốc Công ty CP Cấp thoát nước Trà Vinh;  
- Phòng Tổ chức Hành chính;  
- Các chi nhánh/Phòng ban liên quan...

Tôi tên: ..... sinh ngày .....tháng.....năm.....  
Đã ký hợp đồng lao động thử việc số:.....ngày .....tháng.....năm .....với Công ty, thời gian thử việc từ ngày ....tháng .....năm ....đến ngày .....tháng.....năm.....  
Chức danh công việc: .....  
Tôi xin báo cáo kết quả thử việc như sau:

**I. ƯU ĐIỂM:**

1. Ý thức tổ chức kỷ luật:

.....  
.....

2. Mức độ hoàn thành công việc được giao:

- Những công việc đã làm được

.....  
.....

- Những công việc chưa làm được và cần khắc phục:

.....  
.....

3. Tác phong đạo đức và đoàn kết nội bộ:

.....  
.....

**II. KHUYẾT ĐIỂM**

.....  
.....

**III. ĐỀ XUẤT KÝ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG:**

.....  
.....

**IV. CÁC CAM KẾT KHÁC** (thực hiện nội quy, nhiệm vụ được giao, tác phong đạo đức và học tập rèn luyện nâng cao trình độ v...)

.....

..... ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người báo cáo**



Số: 125 /TTr-CTN

Trà Vinh, ngày 09 tháng 03 năm 2023

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc bổ nhiệm lại chức danh quản lý**

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Quy chế quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động đối với người lao động thuộc Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh;

Căn cứ khoản 3 điều 1 Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 08/02/2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh về việc thống nhất cho thực hiện quy trình bổ nhiệm lại người lao động giữ chức vụ quản lý đối với bà Phan Thị Ngọc Thu giữ chức vụ Phó phòng Kế hoạch – Kỹ thuật.

Theo Biên bản họp ngày 16/2/2023 lấy ý kiến phòng Kế hoạch – Kỹ thuật về việc bổ nhiệm lại chức danh Phó phòng đối với bà Phan Thị Ngọc Thu và Biên bản số 26/BB-CTN ngày 06/3/2023 Biên bản họp lấy ý kiến trưởng, phó phòng và tương đương về việc bổ nhiệm lại chức danh Phó phòng Kế hoạch – Kỹ thuật đối với bà Phan Thị Ngọc Thu;

Căn cứ vào biên bản kiểm phiếu của Chi bộ I ngày 28/02/2023 và Biên bản kiểm phiếu của Đảng ủy ngày 06/3/2023 về việc lấy ý kiến bổ nhiệm lại chức danh Phó phòng Kế hoạch – Kỹ thuật đối với bà Phan Thị Ngọc Thu.

Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét thông qua việc bổ nhiệm lại bà Phan Thị Ngọc Thu với chức danh Phó phòng Kế hoạch – Kỹ thuật./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Các Phó TGD Cty;
- Trưởng BKS Cty;
- Lưu: VT.



**Nguyễn Văn Quý**